

PHÁT TRIỂN BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM GÓP PHẦN ĐẢM BẢO AN SINH XÃ HỘI

ThS. Nguyễn Thị Thía

Trường Đại học Lao động - Xã hội

nguyenminhthia.uls@gmail.com

Tóm tắt: Nông nghiệp là một trong những ngành sản xuất quan trọng của nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp lại thường xuyên gặp rủi ro và hậu quả lại rất nặng nề vì thường trải trên một địa bàn rộng lớn. Kinh nghiệm của nhiều quốc gia trên thế giới cho thấy, Bảo hiểm nông nghiệp (BHNN) là một công cụ khá hiệu quả, là lá chắn cho nông nghiệp, nhằm giảm thiểu những rủi ro trong sản xuất, góp phần đảm bảo an sinh xã hội (ASXH), nhất là đối với những nước sản xuất nông nghiệp là chủ yếu và tỷ lệ nông dân chiếm đa số như Việt Nam. Mặc dù đã trải qua nhiều lần thí điểm với nhiều sản phẩm nông nghiệp cũng như quy mô khác nhau và đã chính thức được áp dụng ở phạm vi quốc gia theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP của Chính phủ về BHNN từ năm 2019 tới nay nhưng BHNN vẫn chưa thực sự phát huy được tính ưu việt vốn có mà còn bộc lộ nhiều tồn tại, hạn chế. Thực trạng này đã có tác động toàn cuộc đến vấn đề đảm bảo ASXH của cả nước. Phát triển BHNN phải chăng là một trong những giải pháp chủ yếu để giải quyết vấn đề này? Đây chính là nội dung mà tác giả bài viết muốn đề cập thông qua 3 nội dung chính: (1) Sự cần thiết của sản xuất nông nghiệp và BHNN với ASXH; (2) Thực trạng triển khai BHNN tại Việt Nam; (3) Một số khuyến nghị phát triển BHNN góp phần đảm bảo ASXH trong thời gian tới.

Từ khóa: Bảo hiểm nông nghiệp, an sinh xã hội, sản xuất nông nghiệp.

DEVELOPPING AGRICULTURAL INSURANCE IN VIETNAM TO CONTRIBUTE TO THE ASSURANCE OF SOCIAL SECURITY

Abstract: Agriculture is one of the important production industries of many countries in the world, including Vietnam. However, agricultural production is often risky and its consequences are serious because it is often spread over a large area. The experience of many countries around the world shows that agricultural insurance is an effective tool, a shield for agriculture in order to reduce risks in production, contributing to ensure social security, especially in countries where agriculture is prominent and farmers take up the majority like Vietnam. Although it has been piloted several times with many agricultural products on different scales and has been officially applied at a national scale according to Decree No. 58/2018/ND-CP of the Government on agricultural insurance since 2019, agricultural insurance has not really been promoted its inherent superiority but showed many shortcomings. This situation has had an overall impact on the issue of ensuring social security of the whole country. Is the development of agricultural insurance one of the main solutions to solve this problem? This is what the author of the article wants to mention in 3 main contents: (1) the necessity of agricultural production and agricultural insurance for social security; (2) Actual situation of implementing agricultural insurance in Vietnam; (3) Some recommendations for the development of agricultural insurance contributing to the assurance of social security in the coming time.

Keywords: agricultural insurance, social security, agricultural production.

Mã bài báo: JHS - 44

Ngày nhận bài sửa: 8/5/2022

Ngày nhận bài: 6/04/2022

Ngày duyệt đăng: 20/5/2022

Ngày nhận phản biện: 25/04/2022

1. Giới thiệu

Nông nghiệp có một vị trí đặc biệt quan trọng đối với nền kinh tế của nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Nông nghiệp cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người, nguyên liệu cho công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm. Nông nghiệp cũng là ngành thu hút nhiều lao động xã hội, góp phần giải quyết công ăn việc làm và đồng thời còn là một ngành đóng góp không nhỏ vào tổng sản phẩm quốc nội (GDP). Bên cạnh đó, nông nghiệp còn là ngành đem lại nguồn thu nhập ngoại tệ lớn. Ở các nước đang phát triển như Việt Nam, nguồn xuất khẩu để thu ngoại tệ chủ yếu dựa vào các loại nông, lâm, thủy sản vì chúng dễ dàng gia nhập thị trường quốc tế hơn so với các mặt hàng công nghiệp. Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp thường không ổn định, người sản xuất thường phải đối mặt với nhiều rủi ro khác nhau và khi rủi ro xảy ra thì cũng đã gây những tổn thất lớn cho sản xuất nông nghiệp. Những tổn thất này đã gây ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống của người dân, tới chính sách ASXH của Chính phủ ở khu vực tam nông (Nông nghiệp - nông thôn - nông dân). Vì vậy, bên cạnh những biện pháp truyền thống nhằm đối phó, hạn chế rủi ro trong sản xuất nông nghiệp thì BHNN được coi là biện pháp tốt nhất và hữu hiệu nhất không chỉ góp phần bảo vệ cho người tham gia bảo hiểm mà còn góp phần ổn định đời sống kinh tế xã hội, đóng góp vào chính sách ASXH của Nhà nước, giúp Nhà nước, trực tiếp là chính quyền, địa phương giảm bớt gánh nặng chi tiêu của ngân sách, giảm bớt các gói kinh phí cứu trợ nông dân ở các vùng bị thiên tai, dịch bệnh. Nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của BHNN, từ năm 2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 315/QĐ-TTg về việc triển khai thí điểm BHNN và được thực hiện tại nhiều địa phương trong cả nước. Đến năm 2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 58/2018/NĐ - CP về BHNN; năm 2019, Chính phủ tiếp tục ban hành Quyết định số 22/2019/QĐ-TTg về thực hiện chính sách BHNN, cá nhân sản xuất nông nghiệp sẽ được hỗ trợ 90% phí BHNN. Tuy nhiên, cho đến nay BHNN vẫn chưa thực sự phát huy được hiệu quả, việc thực hiện triển khai vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Trong bài viết này, tác giả căn cứ dựa trên thực trạng triển khai BHNN trong giai đoạn trước năm 2019 và sau năm 2019, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp phát triển BHNN nhằm góp phần đảm bảo ASXH của đất nước.

2. Cơ sở lý luận về Bảo hiểm nông nghiệp

2.1. Khái niệm và vai trò của Bảo hiểm nông nghiệp

* Khái niệm Bảo hiểm nông nghiệp

Nông nghiệp đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế của Việt Nam nói riêng và của các nước đang phát triển nói chung. Tuy nhiên, sản xuất trong nông nghiệp luôn phải đối mặt với những khó khăn và thách thức lớn, đặc biệt là vấn đề rủi ro do thiên tai như bão lụt, hạn hán và dịch bệnh gây ra. Chính bởi vậy, BHNN đã ra đời nhằm giúp cho các hộ nông dân khắc phục những thiệt hại do rủi ro trong sản xuất nông nghiệp gây ra, qua đó góp phần ổn định sản xuất nông nghiệp của đất nước. Là một trong hệ thống gần 600 sản phẩm Bảo hiểm phi nhân thọ (BHPNT) trên thị trường bảo hiểm, BHNN được quy định tại khoản 3 - Điều 3 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP của Chính phủ về BHNN như sau: “Bảo hiểm nông nghiệp là loại hình bảo hiểm cho đối tượng sản xuất trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, theo đó bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường cho người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm”. Hay nói cách khác, “BHNN là loại hình bảo hiểm thương mại nhằm bù đắp những thiệt hại xảy ra với đối tượng bảo hiểm là những vật nuôi, cây trồng và sản phẩm nông nghiệp do rủi ro được bảo hiểm gây ra”. Điều kiện để người nông dân được nhà bảo hiểm bồi thường những thiệt hại đó là họ phải đóng phí bảo hiểm. Như vậy, xét về mặt kinh tế xã hội: BHNN là hình thức cộng đồng để chia sẻ rủi ro, mỗi người sản xuất nông nghiệp tham gia sẽ là người lập dự phòng tài chính (bằng phí bảo hiểm) hàng năm theo kế hoạch hình thành Quỹ bảo hiểm tập trung để giải quyết bồi thường cho các rủi ro được bảo hiểm. Nguồn quỹ bảo hiểm được tạo thành bởi cộng đồng những người sản xuất nông nghiệp mang tính xã hội hóa cao, giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước trong việc cứu trợ khẩn cấp người dân không may bị tổn thất tài chính do hậu quả của thiên tai, dịch bệnh. Ngoài ra, BHNN giúp việc khắc phục hậu quả tài chính cho những người sản xuất nông nghiệp không may bị tổn thất mang tính khách quan, công bằng hơn các hình thức cứu trợ. Qua đó, góp phần ổn định chính trị, ASXH nông thôn ở Việt Nam.

* Vai trò của Bảo hiểm nông nghiệp

Triển khai BHNN có vai trò vô cùng to lớn, nhất là đối với những nước sản xuất nông nghiệp là chủ yếu và tỷ lệ nông dân chiếm đa số như Trung Quốc, Ấn Độ, Việt Nam, Thái Lan, Phi-líp-pin v.v... Vai trò của BHNN thể hiện rất rõ ở những khía cạnh sau đây:

Một là, góp phần ổn định cuộc sống và sản xuất cho hàng triệu người dân cùng một lúc khi có thiên tai, dịch bệnh xảy ra. Hơn nữa, nếu sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định nhờ có cơ chế bảo hiểm, còn là trụ đỡ cho toàn bộ nền kinh tế, nhất là khi nền kinh tế bị khủng hoảng. Vai trò này thể hiện rất rõ trong những năm khủng hoảng kinh tế vừa qua và điển hình nhất là ở Phi-líp-pin, Ấn Độ, Xri-lan-ca v.v...

Hai là, triển khai BHNN còn giúp người nông dân mạnh dạn vay vốn để đầu tư phát triển sản xuất hàng hóa. Thật vậy, nhờ có BHNN mà rủi ro của người nông dân được phân tán và chuyển giao cho các nhà bảo hiểm gánh chịu. Từ đó, giúp họ yên tâm mở rộng quy mô sản xuất, đầu tư ứng dụng những tiến bộ khoa học - kỹ thuật để nâng cao năng suất, chất lượng các loại cây trồng, vật nuôi phục vụ xuất khẩu và cạnh tranh. Bài học kinh nghiệm của các nước như: Xri-lan-ca, Maroc, Jamaica về bảo hiểm cho cây chuối đã chứng minh khá rõ và cũng đã được nhiều nước học tập kinh nghiệm.

Ba là, phát triển BHNN còn góp phần giảm nhẹ gánh nặng cho ngân sách nhà nước. Thực tế đã chứng minh, mỗi khi một vùng sản xuất nông nghiệp nào đó gặp thiên tai như bão lụt, sâu bệnh, dịch bệnh v.v... nhà nước đều phải trích từ ngân sách để giúp đỡ người dân vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống, ổn định chính trị, xã hội. Nếu BHNN phát triển rộng khắp thì sự hỗ trợ của ngân sách nhà nước chắc chắn sẽ được giảm bớt nhờ cơ chế bồi thường từ các quỹ bảo hiểm do chính những người nông dân tham gia đóng góp.

Bốn là, BHNN phát triển còn tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động trong các doanh nghiệp bảo hiểm. Ở nước ta, Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam đã có những tất toán sơ bộ, nếu triển khai BHNN đại trà trên khắp cả nước thì số lao động cần tuyển dụng của các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ sẽ lên tới hơn 150.000 người. Đây là con số có ý nghĩa rất lớn trong điều kiện tỷ lệ thất nghiệp đang có xu hướng gia tăng như hiện nay.

Ngoài những vai trò nêu trên, BHNN ra đời còn góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia và tạo ra những quy trình sản xuất nông nghiệp khép kín mang tính chuyên nghiệp v.v...

2.2. Mối quan hệ giữa sản xuất nông nghiệp và Bảo hiểm nông nghiệp với An sinh xã hội tại Việt Nam

Nông nghiệp là một trong những ngành sản xuất vật chất quan trọng trong nền kinh tế. Sản xuất nông nghiệp đã cung cấp những sản phẩm thiết yếu nhất

phục vụ cuộc sống con người, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm và hàng hóa để xuất khẩu. Đối với những nước đang phát triển và chậm phát triển, sản xuất nông nghiệp tạo ra hàng triệu việc làm, góp phần giảm thiểu tình trạng thất nghiệp và đóng góp không nhỏ vào GDP, từ đó góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, chính trị, xã hội. Tính đến năm 2020, Việt Nam có khoảng 18 triệu người dân tham gia sản xuất nông nghiệp, chiếm tỷ lệ cao nhất trong tất cả các ngành nghề hiện có. Nông nghiệp đóng góp khoảng 14,85% tổng sản phẩm quốc nội của cả nước; 33,06% tổng số việc làm (Tổng cục Thống kê, 2020); đóng góp 18,5% tổng thu nhập của các hộ nông thôn (Điều tra mức sống dân cư của Tổng cục Thống kê, 2020). Không những vậy, kim ngạch xuất - nhập khẩu nông sản liên tục tăng, từ 20 tỷ USD (năm 2010) lên mức 48,6 tỷ USD (năm 2021) với 10 nhóm mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, trong đó 6 nhóm hàng xuất khẩu trên 3 tỷ USD. Trong 10 năm qua, nông nghiệp tại Việt Nam xuất siêu trung bình 7 - 8 tỷ USD/năm, là ngành duy nhất xuất siêu ra thị trường thế giới, mang lại nguồn ngoại tệ cho đất nước.

Tuy nhiên, so với các ngành sản xuất khác, sản xuất nông nghiệp có những đặc trưng riêng biệt như: Phạm vi địa lý trải rộng và thường được tiến hành ở ngoài trời nên chịu sự tác động rất lớn của điều kiện tự nhiên. Hơn nữa, đối tượng của sản xuất nông nghiệp là những cơ thể sống, bên cạnh yếu tố tự nhiên tác động, chúng còn chịu sự tác động trực tiếp của các quy luật sinh học. Chính vì vậy, rủi ro trong nông nghiệp đã lớn lại càng lớn hơn. Bên cạnh đó, chu kỳ sản xuất nông nghiệp thường khá đều (ví dụ: cây lúa khoảng 3 đến 4 tháng, cây cà phê khoảng 20 đến 30 năm v.v...); thời gian lao động và thời gian sản xuất lại không đồng nhất cho nên việc dự báo, kiểm soát và quản lý rủi ro gặp rất nhiều khó khăn.

Những đặc điểm trên đã dẫn đến rủi ro và hậu quả của rủi ro trong nông nghiệp là rất lớn. Điều này đã được thực tế chứng minh trên phạm vi toàn thế giới.

Ở nước ta, tiến trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa luôn được coi là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong quá trình phát triển đi lên của đất nước. Tỷ trọng lao động và GDP của nông nghiệp đang có xu hướng giảm đi tương đối. Tuy nhiên, Đảng và Nhà nước vẫn luôn coi nông nghiệp là ngành sản xuất quan trọng. Bởi lẽ, sản xuất nông nghiệp nước ta cả trong hiện tại và tương lai luôn trực tiếp và gián tiếp góp phần đảm bảo

ASXH lâu dài và bền vững cho đất nước. Điều này có thể được khẳng định và nhìn nhận dưới các góc độ sau đây:

Một là, sản xuất nông nghiệp đã trực tiếp góp phần đảm bảo an ninh lương thực cho đất nước.

Hai là, trong số các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, các mặt hàng được làm ra từ nông nghiệp luôn dẫn vị trí chủ lực như: lúa gạo, cà phê, cao su, hải sản v.v...

Ba là, nông nghiệp và nông thôn nước ta đã thu hút gần 40% lực lượng lao động của cả nước và là địa bàn sinh sống của gần 70% dân số. Đồng thời, nông nghiệp, nông thôn và nông dân còn là chỗ dựa vững chắc, lâu dài trong chiến lược quốc phòng và an ninh để bảo vệ Tổ quốc.

Bốn là, nông nghiệp và nông thôn luôn là trụ đỡ vững chắc cho cả nước khi nền kinh tế có những biến động lớn. Điều này đã được chứng minh rất rõ trong đợt khủng hoảng tài chính (1997 - 1998) và khủng hoảng kinh tế (2008 - 2010).

Năm là, trong điều kiện biến đổi khí hậu toàn cầu đang diễn ra nhanh chóng như hiện nay, nông nghiệp là ngành chịu sự tác động trước hết, nhất là nông nghiệp Việt Nam. Chính vì vậy, việc tìm ra các giải pháp hữu hiệu để phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững, góp phần đảm bảo ASXH đang là bài toán khó không chỉ đối với nước ta mà còn đối với nhiều nước trên thế giới.

Theo kinh nghiệm của các nước, để đạt được mục tiêu phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững, hiệu quả, người ta đã triển khai BHNN. Loại hình bảo hiểm này ra đời lần đầu tiên vào năm 1898 tại nước Phổ (Cộng hòa Liên bang Đức ngày nay). Năm 1917, một số công ty bảo hiểm của Mỹ đã tiến hành bảo hiểm mọi rủi ro cho cây trồng. Năm 1933, Nhật Bản triển khai BHNN và có sự hỗ trợ từ phía Chính Phủ cho người nông dân. Hiện nay, trên thế giới đã có khoảng 50 nước thực hiện BHNN và thành công nhất phải kể đến là: Mỹ, Tây Ban Nha, Canada, Ấn Độ, Philippin v.v...

Sở dĩ các nước thực hiện BHNN đều cho rằng, phát triển BHNN là góp phần đảm bảo ASXH lâu dài và bền vững là vì:

- Nếu đảm bảo ASXH quốc gia sẽ góp phần vào việc ổn định thể chế chính trị, từ đó tạo tiền đề để phát triển kinh tế - xã hội. Khi kinh tế - xã hội phát triển, các loại hình bảo hiểm trong đó có BHNN sẽ phát triển theo. Điều đó thể hiện rất rõ ở khía cạnh sau:

+ Với cơ chế hoạt động của bảo hiểm, rủi ro và hậu quả của rủi ro trong nông nghiệp sẽ được phân tán giữa những người tham gia bảo hiểm cả theo không gian và thời gian. Từ đó, giúp người tham gia bảo hiểm ổn định sản xuất, phát triển các hoạt động kinh doanh.

+ Giúp người nông dân mạnh dạn đầu tư phát triển sản xuất hàng hóa để từ đó hình thành những vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh, tập trung lớn, từ đó tạo ra những mặt hàng nông sản xuất khẩu có tính cạnh tranh cao.

+ Phát triển BHNN còn góp phần giảm nhẹ gánh nặng cho ngân sách nhà nước, ngân sách nhà nước sẽ có nhiều điều kiện hơn để bảo trợ và hỗ trợ cho các loại quỹ bảo hiểm khi cần thiết, nhất là Quỹ Bảo hiểm xã hội, Quỹ Bảo hiểm y tế, Quỹ bảo hiểm thất nghiệp; bên cạnh đó còn tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động.

+ Nâng cao ý thức trách nhiệm của cả người tham gia bảo hiểm và người bảo hiểm trong công tác phòng chống và giảm thiểu rủi ro v.v...

- Ngoài ra, nếu BHNN phát triển thì mục tiêu đảm bảo ASXH sẽ thực hiện được tốt hơn bởi đối tượng tham gia loại hình bảo hiểm này rất lớn, khi không may gặp rủi ro cá nhân/tổ chức sản xuất nông nghiệp sẽ được giải quyết bồi thường nhằm khắc phục hậu quả của rủi ro, ổn định sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, nếu bảo hiểm nói chung và BHNN nói riêng phát triển còn góp phần tiết kiệm cho tương lai, từ đó góp phần đảm bảo ASXH lâu dài và bền vững...

Với những lý do nêu trên, chắc chắn khi triển khai BHNN sẽ góp phần phát triển sản xuất nông nghiệp và từ đó góp phần đảm bảo ASXH.

3. Tổng quan nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

3.1. Tổng quan nghiên cứu

Kể từ khi BHNN được triển khai trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam, đã có những đề tài nghiên cứu, bài viết được đăng trên các tạp chí nghiên cứu khoa học. Cụ thể:

Đề tài Nghiên cứu khoa học cấp Bộ “*Bảo hiểm nông nghiệp ở Việt Nam. Thực trạng và giải pháp phát triển.*” của (Định, 2011) đã phân tích và làm rõ được 3 nội dung lớn: (1) Hệ thống hóa được những vấn đề chung về phương thức BHNN truyền thống, trình bày một số những nghiên cứu ban đầu về phương thức bảo hiểm mới “BHNN theo chỉ số”, (2) Tập trung nghiên cứu sâu về chính sách và thực trạng triển khai

BHNN ở nước ta giai đoạn 2006 - 2010, (3) Thông qua việc nghiên cứu thực tế hoạt động BHNN ở Việt Nam và kinh nghiệm của một số nước trên thế giới, đề tài đã đưa ra các giải pháp nhằm thúc đẩy BHNN ở Việt Nam phát triển.

Bài viết “*Bảo hiểm nông nghiệp ở Việt Nam. Thực trạng và giải pháp*” của tác giả Bạch Hồng Vân (Viện nghiên cứu Châu Âu, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam): Tác giả bài viết đã phân tích thực trạng BHNN ở Việt Nam giai đoạn 2006 - 2010 và đề xuất một số giải pháp phát triển BHNN ở Việt Nam trong thời gian tới.

Bài viết “*Thực trạng phát triển thị trường bảo hiểm nông nghiệp ở Việt Nam*” của (Huân, 2014), tác giả bài viết đã phân tích thực BHNN ở Việt Nam giai đoạn trước khi có Quyết định 315/QĐ-TTg (2006 - 2010) và giai đoạn thực hiện thí điểm BHNN theo Quyết định 315/QĐ-TTg (2011 - 2013). Đồng thời, phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển thị trường BHNN ở Việt Nam và từ đó đưa ra những kiến nghị nhằm mở rộng và phát triển thị trường BHNN ở Việt Nam.

Từ một số đề tài nghiên cứu và bài viết mà tác giả đã thu thập được cho đến thời điểm hiện nay, có thể thấy các nghiên cứu tập trung đánh giá thực trạng phát triển BHNN ở Việt Nam, tuy nhiên chưa phân tích sự gắn kết giữa BHNN với chính sách ASXH cho người sản xuất nông nghiệp.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết đòi hỏi sử dụng đồng thời nhiều phương pháp khác nhau. Tuy nhiên, trong giới hạn của việc triển khai nghiên cứu, tác giả này không thể sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi,

phương pháp phỏng vấn sâu trực tiếp mà chủ yếu sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính bao gồm: Phương pháp thống kê mô tả, được sử dụng để phân tích thực trạng triển khai BHNN tại Việt Nam dựa trên số liệu của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam và Báo cáo tình hình triển khai BHNN của các tỉnh Nghệ An, Thái Bình và Hà Giang và phương pháp phân tích - tổng hợp, được sử dụng để tổng hợp và phân tích các số liệu để từ đó có những đánh giá chung làm cơ sở để xuất một số khuyến nghị nhằm góp phần phát triển BHNN tại Việt Nam trong thời gian tới.

4. Tình hình triển khai Bảo hiểm nông nghiệp tại Việt Nam

4.1. Giai đoạn trước năm 2019

BHNN được triển khai thí điểm ở nước ta từ năm 1982 tại hai huyện Nam Ninh và Vụ Bản tỉnh Nam Định. Đối tượng bảo hiểm là cây lúa. Đợt triển khai thí điểm này chỉ diễn ra được 2 năm (1982; 1983) sau đó phải dừng lại vì cơ chế tổ chức sản xuất trong nông nghiệp đã thay đổi khi Chi thị 100 của Ban Bí thư Trung Ương Đảng ra đời (1981).

Năm 1993, Bảo Việt lại tiến hành BHNN dưới hình thức bảo hiểm mùa màng cho cây lúa ở 12 tỉnh trong cả nước (An Giang, Bình Định, Bắc Giang, Hà Tĩnh, Bến Tre, Cần Thơ, Đồng Tháp...) và 16 tỉnh (1996) với sự vào cuộc mạnh mẽ của các bên liên quan bao gồm: Bộ Tài chính, Bảo Việt và chính quyền địa phương, bao gồm cả thí điểm mức hỗ trợ phí bảo hiểm 20% tại Hà Nội. Tuy nhiên, đợt triển khai này cũng chỉ diễn ra được 5 năm, sau đó phải dừng lại vì nhiều lý do khác nhau và kết quả đạt được rất khiêm tốn.

Bảng 1. Tổng diện tích trồng lúa và diện tích đất trồng lúa được Bảo Việt bảo hiểm ở Việt Nam giai đoạn 1994 - 1997

Năm	1994	1995	1996	1997
1. Tổng diện tích đất trồng lúa (nghìn hecta)	6.598	6.766	7.004	7.099
2. Tổng diện tích đất trồng lúa được bảo hiểm (nghìn hecta)	65	78	38	20
3. Tỷ lệ diện tích đất trồng lúa được bảo hiểm (%)	0,99	1,15	0,54	0,28

Nguồn: Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam

Nhận thức được vai trò và sự cần thiết của BHNN, ngày 01 tháng 3 năm 2011 Thủ tướng chính phủ đã ký Quyết định số 315/QĐ-TTg về việc thực hiện thí điểm BHNN giai đoạn 2011 - 2013 tại 21 tỉnh, thành trong cả nước. Theo đó, Nhà nước sẽ hỗ trợ phí bảo hiểm cho người nông dân khi tham gia BHNN, hỗ

trợ chi phí quản lý và tái bảo hiểm cho DNBH. Đây là điều mà nước ta chưa từng thực hiện trước đó, sự hỗ trợ tài chính của Nhà nước đối với BHNN được thực hiện ở cả cấp Trung ương và cấp địa phương. Cụ thể Nhà nước hỗ trợ 100% chi phí bảo hiểm đối với hộ nghèo, 80% đối với hộ cận nghèo, 60% đối với hộ

không thuộc diện nghèo hay cận nghèo, 60% đối với các tổ chức sản xuất nông nghiệp. Ngân sách trung ương sẽ hỗ trợ 100% đối với các tỉnh nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương; hỗ trợ 50% cho các tỉnh, thành phố có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương dưới 50%, ngân sách trung ương tự đảm bảo 50% còn lại; đối với các tỉnh, thành phố còn lại, ngân sách địa phương tự đảm bảo toàn bộ. Việc hỗ trợ phí bảo hiểm được thực hiện thông qua doanh nghiệp bảo hiểm, khi doanh nghiệp bảo hiểm cấp đơn và thu phí theo hợp đồng bảo hiểm. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến hết năm 2013. Với chính sách hỗ trợ cụ thể như trên, Chính phủ mong muốn sẽ đẩy mạnh phát triển BHNN, thu hút người nông dân tham gia bảo hiểm, góp phần ổn định và phát triển ngành sản xuất nông nghiệp nước nhà, ASXH cho nông thôn Việt Nam nói chung.

Sau khi triển khai Quyết định 315/QĐ-TTg, việc tham gia BHNN cũng đã có những thay đổi khả quan:

- *Số tỉnh thành tham gia BHNN cho cây lúa, vật nuôi và thủy sản:*

Theo báo cáo của các địa phương và các doanh nghiệp bảo hiểm (DNBH), đến thời điểm kết thúc chương trình (31/12/2013), việc thí điểm BHNN đối với cả chương trình gồm: cây lúa, vật nuôi và thủy sản đã được triển khai ở 20 tỉnh, thành phố thuộc địa bàn triển khai thí điểm với kết quả cụ thể như sau:

- *Số hộ nông dân/tổ chức sản xuất nông nghiệp tham gia bảo hiểm:*

Trong 3 năm triển khai có 290.131 hộ nông dân/tổ chức sản xuất nông nghiệp tham gia BHNN, trong đó có 288.647 hộ nghèo (chiếm 78,8% tổng số hộ tham gia bảo hiểm), 36.489 hộ cận nghèo (chiếm 13%), 24.994 hộ thường (chiếm 9%).

Trong số các tỉnh, thành phố triển khai thí điểm BHNN, Nghệ An là tỉnh có số lượng hộ tham gia bảo hiểm nhiều nhất 152.958 hộ (chiếm 52,7% tổng số lượng hộ tham gia bảo hiểm của chương trình thí điểm); tiếp đó là Thái Bình 61.940 hộ (chiếm 21,3% tổng số lượng hộ); tại Nam Định là 29.846 hộ (chiếm 10,28% tổng số lượng hộ).

- *Về giá trị bảo hiểm, doanh thu và bồi thường bảo hiểm:*

+ *Giá trị bảo hiểm:* Giá trị bảo hiểm của cả chương trình thí điểm là 7.369,8 tỷ đồng, trong đó tổng giá trị bảo hiểm cây lúa là 2.148,6 tỷ đồng, tổng giá trị

bảo hiểm vật nuôi là 2.435,9 tỷ đồng, tổng giá trị bảo hiểm thủy sản là 2.785,1 tỷ đồng.

+ *Tổng doanh thu phí BHNN:* Tổng doanh thu phí BHNN sau 3 năm triển khai thí điểm BHNN là 394,004 tỷ đồng, trong đó doanh thu phí bảo hiểm thủy sản là 218,179 tỷ đồng (chiếm 55,37% tổng doanh thu); doanh thu phí bảo hiểm cây lúa là 91,919 tỷ đồng (chiếm 23,33% tổng doanh thu); doanh thu phí bảo hiểm vật nuôi là 83,905 tỷ đồng (chiếm 21,3% tổng doanh thu).

Trong số các tỉnh, thành phố triển khai thí điểm BHNN, Sóc Trăng là tỉnh có doanh thu phí bảo hiểm cao nhất 85,2 tỷ đồng (chiếm 21,6% tổng doanh thu phí bảo hiểm của cả chương trình thí điểm), tiếp đó là Nghệ An 78,4 tỷ đồng (chiếm 19,9%), Bạc Liêu 56,8 tỷ đồng (chiếm 14,4%)...

+ *Về bồi thường bảo hiểm:* Tổng số tiền đã giải quyết bồi thường bảo hiểm đến thời điểm 31/3/2014 là 649,3 tỷ đồng, tỷ lệ bồi thường bảo hiểm là 164,7%. Trong đó, chủ yếu bồi thường bảo hiểm thủy sản với tổng số tiền đã bồi thường bảo hiểm 628,7 tỷ đồng (chiếm 96,84% tổng số tiền thực bồi thường của cả chương trình thí điểm); tiếp đó là bồi thường bảo hiểm cây lúa với tổng số tiền thực bồi thường là 11,2 tỷ đồng (chiếm 1,43%).

Trong số các tỉnh, thành phố triển khai thí điểm BHNN, Sóc Trăng là tỉnh có số tiền thực bồi thường bảo hiểm cao nhất 237,1 tỷ đồng (chiếm 36,5% tổng số tiền thực bồi thường bảo hiểm của cả chương trình); tiếp đó là tỉnh Bạc Liêu với số tiền bồi thường là 178,9 tỷ đồng (chiếm 27,5%); Cà Mau 83 tỷ đồng (chiếm 12,8%); Bến Tre 82 tỷ đồng (chiếm 12,6%).

Như vậy, qua kết quả phân tích trên cho thấy, thực hiện triển khai hoạt động thí điểm BHNN cho thấy chủ trương của Đảng, Nhà nước trong việc triển khai BHNN là hết sức đúng đắn. Đây là chính sách nhằm ổn định sản xuất và đời sống của người dân, góp phần thực hiện tốt chính sách ASXH. Các địa phương được lựa chọn thí điểm, các địa bàn huyện xã làm thí điểm với các sản phẩm cây lúa, chăn nuôi, thủy sản là những mặt hàng sản xuất nông nghiệp quan trọng của địa phương phù hợp với điều kiện, đặc thù sản xuất nông nghiệp, phân bố dân cư và yêu cầu phát triển kinh tế địa phương.

Tiếp theo giai đoạn thí điểm, từ năm 2014 - 2018, theo số liệu của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, trong tổng số 29 DNBH phi nhân thọ trên thị trường bảo hiểm thì có 10 DNBH tổ chức triển khai BHNN trên

thị trường bao gồm: Bảo Việt, Bảo Minh, PVI, ABIC, BIC, Groupama, GIC, PTI, Bảo Long, VBI. Tổng

doanh thu phí BHNN trong giai đoạn này được thể hiện qua bảng sau đây:

Bảng 2. Cơ cấu doanh thu phí BHNN trên thị trường BHPNT giai đoạn 2014 - 2018

Chi tiêu \ Năm	2014	2015	2016	2017	2018
1. Doanh thu phí BHNN (tỷ đồng)	31,082	44,784	42,462	45,416	46,528
2. Tổng doanh thu phí BHPNT toàn thị trường	27.507,6	32.144,3	36.996,7	41.244,1	46.652,7
3. Tốc độ tăng trưởng Doanh thu phí BHNN (%)	-	44,08	(5,18)	6,96	2,45
3. Tỷ trọng (1)/(2) (%)	0,113	0,139	0,114	0,110	0,099

Nguồn: Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam

Như vậy, qua bảng 2 có thể thấy kết quả khai thác BHNN là rất khiêm tốn so với tiềm năng của loại hình nghiệp vụ bảo hiểm này. Doanh thu phí BHNN nhìn chung có xu hướng tăng qua các năm, tuy nhiên mức tăng không đáng kể. Nếu như năm 2014, doanh thu phí BHNN là 31,082 tỷ đồng thì đến năm 2015, doanh thu phí BHNN đạt 44,784 tỷ đồng. Đây là năm có tốc độ tăng doanh thu phí BHNN cao nhất. Đến năm 2016, doanh thu phí BHNN bị giảm so với năm 2015, chỉ còn 42,462 tỷ đồng, tương ứng giảm 5,18%. Năm 2017, doanh thu phí BHNN đạt 45,416 tỷ đồng và đến năm 2018 là 46,528 tỷ đồng. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng doanh thu phí năm 2018 so với năm 2017 rất chậm, chỉ tăng 2,45%.

Cũng qua bảng 2 cho thấy, cơ cấu doanh thu phí BHNN so với tổng doanh thu phí BHPNT trên toàn thị trường chỉ chiếm chưa đến 1% dung lượng của thị trường. Điều này cho thấy, việc triển khai BHNN trong giai đoạn 2014 - 2018 còn rất hạn chế, đòi hỏi Nhà nước, các bộ, ban ngành, các doanh nghiệp bảo hiểm, các địa phương và các hộ nông dân phải cùng nhau vào cuộc để có thể đẩy mạnh phát triển thị trường bảo hiểm tuy rất tiềm năng nhưng cũng nhiều khó khăn và thách thức.

4.2. Giai đoạn từ năm 2019 đến nay

Dựa trên kết quả của chương trình thí điểm BHNN theo Quyết định số 315/QĐ-TTg năm 2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 58/2018/NĐ-CP về BHNN - là văn bản điều chỉnh các hoạt động BHNN và các chính sách hỗ trợ BHNN nhằm khuyến khích các công ty bảo hiểm triển khai BHNN và tạo điều kiện cho các tổ chức sản xuất và cá nhân trong lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp chủ động vượt qua cũng như bù đắp tổn thất tài chính khi xảy ra rủi ro trong quá trình sản xuất. Đến ngày 26/6/2019, Chính phủ tiếp tục ban hành Quyết định số 22/2019/QĐ-TTg về việc thực hiện chính sách hỗ trợ BHNN, trong đó cụ thể hóa những đối tượng và rủi ro được bảo hiểm, mức trợ cấp, địa phương được hỗ trợ và thời gian thực hiện hỗ trợ cho giai đoạn 2019 - 2020. Thời hạn này đã được kéo dài thời gian thực hiện theo Quyết định số 03/2021/QĐ-TTg ngày 25/01/2021. Đồng thời, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng ban hành Thông tư số 09/2020/TT-BNNPTNT ngày 24/7/2020 hướng dẫn xác nhận thiên tai, dịch bệnh trong thực hiện chính sách hỗ trợ BHNN. Bảo Việt và Bảo Minh là hai doanh nghiệp được phê duyệt cung cấp cả sản phẩm BHNN theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP và Quyết định số 22/2019/QĐ-TTg.

Bảng 3. Kết quả thực hiện bảo hiểm lúa gạo tại tỉnh Nghệ An năm 2020 và Thái Bình năm 2021

Tỉnh	Số hộ tham gia bảo hiểm			Diện tích được bảo hiểm (ha)	Giá trị được bảo hiểm (tỷ đồng)	Doanh thu phí bảo hiểm (triệu đồng)	
	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ thường			Phí hộ dân đóng	Ngân sách hỗ trợ
Nghệ An	915	3.904	2.473	1.465	39,1	674	1.333
Thái Bình	3.533	4.329	20	1.129	30,2	193,7	1.720,5

Nguồn: Báo cáo tổng kết thực hiện chương trình BHNN tỉnh Nghệ An và Thái Bình năm 2020 và 2021

Các số liệu về bồi thường tại tỉnh Nghệ An cho thấy các rủi ro đã xảy ra và ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm tại tỉnh này. Theo đó, tổng diện tích thiệt hại vụ Hè - Thu năm 2020 được xác định là 139,04 ha/1.465 ha, thuộc 11 xã của 3 huyện với số tiền bồi thường là 145,3 triệu đồng. Tuy nhiên, do sự chênh lệch giữa số liệu tính toán và năng suất lúa thực tế nên nông dân vùng bị ảnh hưởng không đồng thuận với kết quả từ công nghệ viễn thám. Điều này dẫn tới việc chính quyền

địa phương và Bảo Việt đã phải dừng bán sản phẩm bảo hiểm lúa gạo tại tỉnh này. Ngoài ra, do nguồn lực kinh phí thực hiện bảo hiểm chưa được Bộ Tài chính giao cho tỉnh dẫn tới việc chi trả cho Bảo Việt cũng bị chậm trễ.

Đối với bảo hiểm trâu, bò, sản phẩm được áp dụng theo hình thức bảo hiểm thiệt hại. Trong giai đoạn 2020 - 2021, Hà Giang triển khai bảo hiểm tại 57 xã thuộc 3 huyện trên toàn tỉnh, tổng số đã có hơn 6.480 lượt vật nuôi được bảo hiểm.

Bảng 4. Kết quả thực hiện bảo hiểm vật nuôi tại tỉnh Hà Giang năm 2020, 2021

Năm	Số hộ tham gia bảo hiểm		Số lượng vật nuôi được bảo hiểm (con)	Giá trị được bảo hiểm (tỷ đồng)	Doanh thu phí bảo hiểm (triệu đồng)	
	Hộ nghèo và cận nghèo	Hộ thường			Phí hộ dân đóng	Ngân sách hỗ trợ
2020	3.478	3	4.791	71,9	2.370	264,7
2021	1.172	203	1.696	-	-	-

Nguồn: Báo cáo tổng kết thực hiện chương trình BHNN tỉnh Hà Giang năm 2020 và 2021

Từ các kết quả trên cho thấy, mặc dù BHNN được xem là giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trước những rủi ro về thiên tai, thời tiết, dịch bệnh, môi trường..., tuy nhiên trong nhiều năm qua, việc triển khai BHNN còn rất khiêm tốn, cho dù nước ta là nước sản xuất nông nghiệp. Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng này và những nguyên nhân cơ bản phải kể đến là:

+ Sản xuất nông nghiệp nước ta còn khá manh mún, trong khi đó tần suất rủi ro lại khá cao và hậu quả đôi khi mang tính thảm họa. Các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong tất cả các khâu, từ khâu khai thác, để phòng hạn chế tổn thất cho đến khâu giám định và bồi thường v.v...

+ Công tác nhận dạng và dự báo rủi ro chưa phát triển, vì thế việc xác định phí bảo hiểm cho từng loại sản phẩm gặp khó khăn, chi phí giám sát, quản lý rủi ro lớn và đôi khi rất khó thực hiện. Điều này đã làm cho chi phí kinh doanh tăng cao và các doanh nghiệp gốc rất khó thực hiện tái bảo hiểm.

+ Mức thu nhập của đại đa số nông dân nước ta còn rất thấp, đời sống gặp khó khăn, thêm vào đó là trình độ dân trí về bảo hiểm còn rất hạn chế. Có thể nói, đây là một trong những nguyên nhân cơ bản nhất ảnh hưởng trực tiếp đến việc triển khai bảo hiểm trong nông nghiệp.

+ Việc thiết kế sản phẩm BHNN chưa thực sự phù hợp, chưa có những sản phẩm chuẩn, hoạt động khai thác bảo hiểm của các doanh nghiệp bảo hiểm vẫn cầm chừng, chủ yếu là để quảng bá thương hiệu. Lợi nhuận

thu được của nhà bảo hiểm thấp, thậm chí thua lỗ, trong khi đó thị trường bảo hiểm còn khá nhiều khoảng trống, có nhiều lĩnh vực khác hấp dẫn hơn để các doanh nghiệp bảo hiểm mở rộng hoạt động kinh doanh.

+ Công tác tuyên truyền, quảng bá về BHNN còn rất hạn chế. Hơn nữa, kinh phí cho công tác tuyên truyền, triển khai chưa được quy định rõ ràng dẫn đến quá trình triển khai còn nhiều vướng mắc, hạn chế.

5. Một số khuyến nghị phát triển bảo hiểm nông nghiệp góp phần đảm bảo an sinh xã hội trong thời gian tới

Để tiếp tục đẩy mạnh và phát triển BHNN trong thời gian tới nhằm tích cực góp phần đảm bảo ASXH lâu dài và bền vững, tác giả bài viết xin đưa ra một số kiến nghị sau đây:

Thứ nhất, giáo dục và tuyên truyền để mọi người dân cũng như các cấp, các ngành thấy rõ: đảm bảo ASXH đối với nước ta không chỉ là vấn đề hiện tại mà còn là vấn đề mang tính lâu dài. Trong đó, phát triển sản xuất nông nghiệp luôn mang tính chiến lược, bởi đây là một ngành, một thế mạnh của đất nước. Thông qua giáo dục, tuyên truyền sẽ giúp các cấp, các ngành và từng người dân hiểu rõ hơn sự cần thiết và vai trò của BHNN đối với nước ta cả trong hiện tại cũng như trong tương lai.

Thứ hai, Bộ Tài chính chủ trì giao cho cơ quan quản lý và giám sát bảo hiểm phối hợp với hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam và các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ xây dựng đề án BHNN. Trong đó, phải

làm rõ mục tiêu, định hướng và các bước tiến hành khi triển khai. Nội dung đề án còn phải thể hiện được quy tắc, điều khoản, biểu phí, quy trình khai thác, giám định và bồi thường bảo hiểm. Công tác tư vấn tái bảo hiểm và các chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm.

Thứ ba, trước mắt nên lựa chọn những loại cây trồng và những gia súc chủ lực, sản xuất tập trung, chuyên canh để tiến hành bảo hiểm và thí điểm bảo hiểm dưới hình thức bắt buộc. Bên cạnh loại hình BHNN truyền thống, nên áp dụng loại hình BHNN theo chỉ số. Kết thúc mỗi giai đoạn triển khai, cần phải tổ chức rút kinh nghiệm cho những giai đoạn tiếp theo về tất cả các vấn đề có liên quan đến BHNN như: Khuôn khổ pháp lý; xác định cây, con phải tham gia bảo hiểm bắt buộc; xây dựng quy tắc, điều khoản, biểu phí, cơ chế giám định bồi thường; cơ chế điều tra giám sát và chế độ tài chính cho các doanh nghiệp bảo hiểm.

Thứ tư, các doanh nghiệp bảo hiểm cần phải nghiên cứu và thiết kế những sản phẩm bảo hiểm phù hợp với điều kiện sản xuất nông nghiệp Việt Nam cũng như từng vùng kinh tế. Xác định rõ những đối tượng bảo hiểm nào muốn áp dụng phương pháp bảo hiểm truyền thống, những đối tượng nào nên

áp dụng phương pháp bảo hiểm theo chỉ số. Có như vậy, việc thiết lập các dữ liệu thống kê khi tính phí bảo hiểm mới đảm bảo độ chính xác và tin cậy. Ngay từ bây giờ, các DNBH đã phải tính đến việc nâng cao năng lực tài chính, trình độ chuyên môn, sự liên kết và phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan để tổ chức các kênh phân phối phù hợp v.v...

Thứ năm, mặc dù Bộ Tài chính là cơ quan quản lý Nhà nước về bảo hiểm, song đây lại là một chính sách lớn có tầm chiến lược lâu dài, đồng thời lại là một chính sách rất đặc thù liên quan đến hàng triệu hộ nông dân, đến chính sách tam nông của Đảng và Nhà nước. Để xây dựng và hoàn thiện chính sách BHNN ở nước ta, Chính phủ nên giao cho Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Hội Nông dân Việt Nam thực hiện...

Kết luận: Mặc dù quá trình triển khai BHNN tại nước ta còn gặp nhiều khó khăn, thách thức song tác giả cho rằng, cùng với sự vào cuộc và nỗ lực không ngừng trong quá trình triển khai của Đảng, Nhà nước, các DNBH và chính quyền địa phương, BHNN ở nước ta chắc chắn sẽ góp phần phát triển sản xuất nông nghiệp và từ đó góp phần đảm bảo ASXH lâu dài và bền vững cho đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Anh, B.T.V, Thủy, T.T & Tình, T.V. (2021). Thực trạng phát triển bảo hiểm nông nghiệp tại Việt Nam, *Hội thảo khoa học "Vai trò của ngành bảo hiểm đối với sự ổn định xã hội và phát triển kinh tế"*, trang 315 -330, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
- Bộ Tài chính. (2011). *Kết quả bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2006 - 2010*.
- Bộ Tài chính. (2014). *Kết quả thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp theo Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 01/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ*.
- Định, P.T. (2011). *Bảo hiểm nông nghiệp ở Việt Nam. Thực trạng và giải pháp phát triển*. [Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ].
- Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam. (2010). *Ghập ghềnh Bảo hiểm nông nghiệp Việt Nam, cần nhiều giải pháp để nông dân tiếp cận với bảo hiểm*.
- Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam. (2014, 2015, 2016, 2017, 2018). *"Số liệu thị trường bảo hiểm Việt Nam"*, Nhà xuất bản Tài chính.
- Huân, N.B. (2014). *Thực trạng phát triển thị trường bảo hiểm nông nghiệp ở Việt Nam*. [Luận văn thạc sĩ]. Đại học Lâm nghiệp.
- Khôi, Đ.K. (2017). *Phát triển bảo hiểm nông nghiệp - Kinh nghiệm từ chương trình thí điểm bảo hiểm nông nghiệp Quốc gia 2011 - 2013*, *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, số 21/2017.
- Phụng, Đ.M. (2010), *Giáo trình bảo hiểm phi nhân thọ*, NXB Tài chính, Học viện Tài chính.
- Tạp chí cộng sản. (2011). *Bảo hiểm nông nghiệp tại Việt Nam. Những vấn đề đặt ra*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2013). *Báo cáo về việc thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp theo Quyết định 315/QĐ-TTg*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2011). *Quyết định 315/QĐ-TTg ngày 01/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011 - 2013*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2012). *Quyết định 710/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung kinh phí cho các địa phương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2019). *Quyết định số 22/2019/QĐ-TTg ngày 26/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp*.
- Vân. (2013). *Bảo hiểm nông nghiệp ở Việt Nam. Thực trạng và giải pháp*. Viện nghiên cứu Châu Âu, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.